

Vận dụng các cách dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Dược để tạo hứng thú cho sinh viên không chuyên ngữ

Vũ Thị Nhung*

*ThS. Bộ môn Ngoại ngữ, Khoa KHCB, Trường ĐH Dược Hà Nội

Received: 7/5/2024; Accepted: 13/5/2024; Published: 22/5/2024

Abstract: English for Specific Purposes (ESP) is a compulsory language subject for non-language students in colleges and universities. Teaching vocabulary in English Specialized in Pharmacy (ESP) has always been a concern to teachers of Hanoi University of Pharmacy, who are regularly faced with difficulties such as curriculum, multi-level students. Therefore, the interest in vocabulary lessons is vitally important for language teachers. The study focuses on the needs and difficulties from pharmacist students, thereby proposing some vocabulary teaching techniques that can bring motivation to non-language students.

Keywords: English for Specific Purposes (ESP), English Specialized in Pharmacy, Teaching vocabulary, techniques, motivation.

1. Đặt vấn đề

Từ vựng là cốt lõi trong việc học ngôn ngữ. Muốn giao tiếp thoải mái, nắm bắt và truyền đạt được những thông tin căn bản thì từ vựng chính là điều cần được nắm chắc. Chỉ khi vốn từ dồi dào và phong phú, thì giao tiếp mới có thể trở nên tự nhiên, trôi chảy. Wilkins (1972:11) khẳng định rằng nếu không có ngữ pháp thì có rất ít điều được diễn tả, nhưng nếu không có từ vựng thì không có điều gì được truyền tải. Trong tất cả các giờ học kỹ năng, dạy từ vựng nói chung luôn được coi là khó và dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành (TACN) lại càng là điều trần trụi đối với giảng viên (GV) ngoại ngữ ở trường đại học chuyên ngành Dược khoa. Ngoài ra, GV còn phải đối diện với những khó khăn như giáo trình, sinh viên (SV) không đều về trình độ ngoại ngữ, và khá thụ động. Do đó, các kỹ thuật và phương pháp dạy từ vựng sao cho gây hứng thú đối với người học không chuyên ngữ là rất quan trọng và quyết định đến sự thành công đối với người dạy ngôn ngữ. Nghiên cứu này quan tâm tới các nhu cầu và khó khăn của SV Dược khoa, từ đó đề xuất một số kỹ thuật dạy học từ vựng chuyên ngành Dược có thể đem lại sự hứng thú cho đối tượng SV không chuyên ngữ.

2. Nội dung và nghiên cứu

2.1. Từ vựng TACN Dược và đối tượng người học

- Dudley-Evans (1998) nhấn mạnh một số đặc điểm sau: ESP là một môn học tiếng Anh được thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu cụ thể của người học; môn học này sử dụng các phương pháp và hoạt động ngôn ngữ của chuyên ngành mà nó phục vụ; nó tập trung vào loại ngôn ngữ phù hợp với các hoạt động chuyên môn về ngữ pháp, từ vựng, ngữ vực, kỹ năng học

tập, diễn ngôn và phong cách. ESP thường chỉ dành cho học viên trưởng thành (adult learners) ở bậc đại học, trung học chuyên nghiệp hay đã đi làm ở một cơ quan chuyên nghiệp nào đó. Những học viên này thường bắt đầu từ trình độ trung cấp (intermediate) hoặc cao cấp (advanced), nghĩa là học viên đã phải có những kiến thức cơ bản của tiếng Anh. Nói cách khác, học viên phải học qua chương trình cơ sở, được gọi là General English (tiếng Anh cơ bản) trước khi bắt đầu chương trình ESP.

- Halliday & Martin (1993) nêu ra 7 đặc điểm của tiếng Anh khoa học là các định nghĩa đan xen vào nhau, các từ phân loại, các cách diễn đạt đặc biệt, mật độ từ vựng, tính lưỡng nghĩa cú pháp, ẩn dụ ngữ pháp và sự gián đoạn ngữ nghĩa.

Trong cuốn giáo trình ESP cho SV Dược khoa có ba đặc điểm nổi bật được tìm ra đó là các từ phân loại, thuật ngữ và mật độ từ vựng cao.

(1). Từ vựng của ESP nhằm mục đích xây dựng chuyên môn, trong đó các từ phân loại đóng vai trò quan trọng và trung tâm để phân biệt từ vựng ESP với các từ vựng khác. Không giống như kiến thức thông thường, kiến thức chuyên ngành xoay quanh hệ thống các khái niệm được sắp xếp theo chủ đề nghĩa là theo các phân môn khác nhau (ví dụ: pharmaceutical science, pharmacology, pharmaceuticals, pharmaceutical chemistry, pharmacognosy, pharmacogenomics, v.v.)

(2). Việc sử dụng nhiều thuật ngữ trong các bài đọc ESP gây ra nhiều khó khăn cho người học. Thuật ngữ chuyên ngành (ví dụ: prescription medicines, prescribed medicines, drug therapy, dose, dosage form, routes of administration, v.v.) là những khái

niệm chứa rất nhiều thông tin và rất khó truyền đạt bằng tiếng Việt sao cho thật chính xác. Nhiều khi, những thuật ngữ này lại được định nghĩa thông qua thuật ngữ khác và người học phải có kiến thức nền tảng về chuyên môn để có thể hiểu chúng vì có thể nghĩa của nó trong ESP khác với nghĩa trong tiếng Anh phổ thông (ví dụ: từ administration trong Dược khoa nghĩa là việc sử dụng thuốc, cụ thể là việc đưa thuốc vào trong cơ thể bệnh nhân chứ không phải nghĩa là quản trị, v. v.). Bởi vậy việc dạy từ vựng luôn cần tới sự sáng tạo của GV.

(3). Mật độ từ vựng khá lớn cũng được coi là một đặc điểm quan trọng của các tài liệu ESP

Halliday & Martin (1993) định nghĩa mật độ từ vựng là thước đo mật độ thông tin được tính dựa trên mật độ các từ mang nghĩa (từ chứa nội dung hay từ loại gồm danh từ, tính từ, động từ, trạng từ) trong cấu trúc ngữ pháp. Mỗi một bài học có tổng cộng gần 200 từ, một con số khá lớn cho nên việc hiểu các văn bản này không dễ. Hơn nữa, hầu hết các từ mang nghĩa đều thuộc cụm từ, nhóm từ. Vì vậy, việc lựa chọn dạy những từ nào để SV cần ghi nhớ là rất quan trọng.

- Về đối tượng người học: Trong một lớp học, SV không đồng đều về trình độ ngôn ngữ. Mặc dù đã trải qua 2 kỳ tiếng Anh cơ bản trước khi bắt đầu học ESP, nhiều SV lại quên những kiến thức căn bản do việc học tiếng Anh bị gián đoạn. Việc gián đoạn này là do SV học tiếng Anh cơ bản 2 năm đầu, nghỉ 2 năm không học và đến năm cuối mới học ESP. Mục đích của việc giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành ở Trường đại học Dược là trang bị cho SV những kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành, cấu trúc ngữ pháp, những tình huống liên quan đến chuyên môn và giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo phân ngành trong giáo trình. Những kiến thức ngôn ngữ này sẽ giúp ích cho thực tiễn công việc đồng thời cũng là nền tảng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu tự học nâng cao năng lực chuyên môn của SV. Hiện tại tài liệu ESP được sử dụng để giảng dạy cho hầu hết các chuyên ngành là giáo trình English for Pharmacists. Để đạt được những mục tiêu này, việc dạy từ vựng có hiệu quả là vô cùng cần thiết.

2.2. Các nguyên tắc dạy từ vựng

Gairns and Redman (1999) phân chia hình thái của từ thành ba nhóm là thêm tiền tố, hậu tố, kết hợp từ hai hoặc hơn hai từ đơn lẻ và biến đổi từ loại. Việc dạy ý nghĩa của từ cũng là một phần quan trọng của dạy từ vựng. Có hai loại ý nghĩa, đó là ý nghĩa ngữ pháp (chức năng) và ý nghĩa từ vựng (mô phỏng). (ví dụ: interdisciplinary, Pharmacodynamics,

Pharmacokinetics, Pharmacodynamic interaction v.v.)

Người học cần được thực hành các từ, ngữ trong văn cảnh để họ hiểu được đầy đủ nghĩa của từ. Ngoài ra, trong mỗi bài học lượng từ rất lớn, có khoảng 200 từ. Rõ ràng là phải sàng lọc những từ cốt lõi và tần suất lặp lại để tạo nên một danh mục từ cần học và ghi nhớ cho SV. Bởi vậy, GV cần phải cân nhắc kỹ để chọn lựa những từ nào cần phải dạy kỹ, dạy bao nhiêu từ, quyết định dạy nghĩa nào của từ và bao nhiêu nghĩa trong một khoảng thời gian cho phép. Từ thường được sử dụng chỉ trong một vài ngữ cảnh nhất định nào và còn bị giới hạn bởi cách thức nói và viết cho nên nghĩa của từ có thể thay đổi hoặc bị hạn chế bởi việc sử dụng chúng. Về cách dùng của từ, chúng ta thường sử dụng từ chỉ trong một ngữ cảnh nhất định, và từ không chỉ bị giới hạn theo giáo trình mà còn giới hạn bởi cách thức nói và viết. Do đó, nghĩa của từ có thể thay đổi hoặc bị hạn chế bởi việc sử dụng chúng. Rõ ràng là mục tiêu dạy từ vựng không chỉ là bao phủ một lượng từ nhất định trong danh sách mà người học cần có cơ hội sử dụng chúng hiệu quả.

Do vậy, mục tiêu dạy từ vựng không phải chỉ là dạy hết toàn bộ một lượng từ nhất định trong mục từ, mà người học cần có nhiều cơ hội khác nhau để sử dụng chúng một cách hiệu quả nhất. (ví dụ: giải thích rõ ràng từ administration, administer, administered và đưa những từ này vào các ngữ cảnh khác nhau để người học hiểu, nhớ lâu và sử dụng hiệu quả).

2.3. Các kỹ thuật dạy từ vựng phổ biến

- Dùng tranh ảnh: thường bao gồm ảnh, phiếu thẻ, được dùng cho việc biểu đạt nghĩa, và đặc biệt hiệu quả trong việc dạy các đơn vị từ vựng cụ thể, dễ lôi cuốn người học tham gia vào bài học. Ví dụ: tên các dạng bào chế (dosage forms), các đường dùng (routes of administration)

- Dùng lời nói để giải thích, diễn tả: Cách này khá hữu ích khi dạy từ trừu tượng, thường gồm việc sử dụng định nghĩa, đồng/trái nghĩa và dịch thuật. GV có thể sử dụng định nghĩa hoặc sử dụng những từ phổ thông để giải thích và đặt câu ví dụ để cho thấy một từ mới được dùng như thế nào, sau đó đưa ra từ đồng nghĩa và trái nghĩa để giúp người học mở rộng được vốn từ vựng. Bởi vì dịch thuật có thể không phải lúc nào cũng chuyển tải ý nghĩa chính xác của một từ cho nên nếu người học cứ sử dụng tiếng mẹ đẻ để gán các từ vựng của ngoại ngữ đang học thì họ sẽ không phát triển được khung cần thiết để giải thích các mối quan hệ ý nghĩa của các đơn vị từ khác nhau trong ngôn ngữ mới. Việc lạm dụng dịch thuật và giải thích nhiều bằng tiếng mẹ đẻ sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới tinh thần và không khí của một lớp học

ngoại ngữ.

- Tạo ngữ cảnh, tình huống: có thể là một cách hữu ích bởi nó đòi hỏi sự suy luận, suy diễn và khuyến khích người học tự tìm ra nghĩa của từ. Ngữ cảnh đóng vai trò lớn trong việc giúp SV học từ mới và trong việc thiết lập các từ được dùng như thế nào trong nói và viết. GV nên nghĩ ra một ngữ cảnh rõ ràng, miêu tả hoặc cho ví dụ để làm rõ nghĩa. Cách tốt nhất nhớ được từ là gặp nó và sử dụng nó trong các ngữ cảnh đa dạng khác nhau từ những ngữ cảnh giới hạn trong bài học tới các ngữ cảnh được cá nhân hóa, ngữ cảnh trong hiện thực công việc.

- Ghi nhớ từ vựng: Thực tế là người học hiểu được và giải thích từ mới dễ dàng hơn việc ghi nhớ nó. GV phải luôn sáng tạo cũng như cần đa dạng hóa việc diễn giải từ mới để cải thiện hiệu quả của việc học từ và nhớ từ. SV cần được khuyến khích tận dụng các chiến lược học tập bên ngoài lớp học như đọc giải trí, xem TV, sử dụng mạng hay làm bài luyện tập thường xuyên.

Việc ghi nhớ từ mới còn phụ thuộc vào hình ảnh, tìm kiếm sự tương đồng giữa các từ hoặc như Mahnken (2005) đề xuất một số cách học từ hài hước, vui nhộn, giàu xúc cảm.

+ Sử dụng trò chơi: Trò chơi là một công cụ hiệu quả trong dạy từ vựng vì nó vừa giải trí vừa dạy và nâng cao sự trôi chảy. Các trò ô chữ, mô tả tranh... thích hợp cho hoạt động cặp hay nhóm. Rõ ràng là trò chơi tạo ra tình huống trong đó có ngữ cảnh yêu cầu việc giao tiếp, từ đó thúc đẩy người học tiếp thụ ngôn ngữ đích mà có thể chính họ chưa nhận ra.

+ Ghép từ ở cột A với định nghĩa ở cột B, cho dạng đúng của từ trong ngoặc, điền từ vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn, hoàn thành cụm từ/câu/định nghĩa, loại từ không thuộc nhóm.

GV có thể giúp người học từ vựng trong khi đọc đoạn văn, yêu cầu người học đoán nghĩa từ trong văn cảnh, GV nêu định nghĩa để họ tự tìm từ hoặc thuật ngữ, hướng dẫn họ không phải tra từ điển mà dựa vào ngữ cảnh để tìm ra nghĩa của từ mới.

2.4. Một số kỹ thuật dạy từ vựng chuyên ngành Dược gây hứng thú cho người học

Vẫn là áp dụng các cách phổ biến cho dạy từ vựng nói chung. Tuy nhiên TACN thường có nhiều từ ngữ trừu tượng và điều này cần có những cách dạy sáng tạo và thú vị để thu hút và tạo động lực nhiều hơn cho người học.

+ Tạo Game từ vựng: Sau khi người học đã học và hiểu được một danh sách khoảng 15-20 từ cốt lõi trong mỗi đơn vị bài học, GV sẽ tạo game theo kiểu cho người học nhìn hình vẽ hoặc đọc phần giải thích

nghĩa để đoán ra từ mục tiêu. GV chia lớp thành 2 đội chơi để tạo sự ganh đua hứng khởi. Đội nào ghi điểm nhiều hơn sẽ giành chiến thắng. Có thể đặt chế độ cho điểm may rủi để tăng sự thích thú.

+ Dùng phiếu thẻ Flashcard: Một mặt là hình vẽ, mặt kia là từ có phiên âm và nghĩa tiếng Việt. Phiếu thẻ này có thể dùng để dạy bài 'Dạng bào chế'(Dosage form) là một ví dụ cho sự hiệu quả. Một loạt các từ sẽ được người học tiếp nhận một cách sinh động và giúp họ ghi nhớ nhanh hơn và không bị căng thẳng (ví dụ: tablet, caplet, capsule, effervescent tablet, syrup, eye drop, granule, v.v.)

+ Sơ đồ, hình vẽ: Cách này rất hiệu quả để mô tả những từ, ngữ trừu tượng với nghĩa chuyên sâu. Ví dụ: Trong bài Drug interaction có những từ mới như agonist (chất chủ vận), antagonist (chất kháng vận), the coadministration of a receptor agonist and an antagonist for the same receptor. Khi có sơ đồ hình ảnh, những từ ngữ này như được đặt vào một ngữ cảnh thực tế giúp cho người học dễ hiểu mà GV không cần phải dịch ra tiếng Việt. Từ ngữ cảnh trên sơ đồ, hình ảnh mà người học có thể sử dụng những từ mục tiêu đó để nói, diễn giải và giao tiếp. Như vậy người học sẽ thấy thú vị và ghi nhớ từ nhanh hơn.

3. Kết Luận

Từ vựng chuyên ngành cần được dạy một cách sáng tạo thường được đặt trong các ngữ cảnh cụ thể để đưa nó vào các kỹ năng. Bởi vậy, GV cần phải chuẩn bị các kỹ thuật và hoạt động một cách hợp lý và hạn chế dùng dịch thuật thì sẽ tăng hứng thú tối đa cho người học. GV luôn sẵn lòng giải thích tận tình và kiên nhẫn sẽ khuyến khích SV giúp cho họ không những ghi nhớ mà còn có động lực tự học nhiều hơn. Nghiên cứu đã đề xuất một số kỹ thuật dạy từ vựng nhằm tăng tính hứng thú cho người học chuyên ngành Dược khoa với mong muốn những giờ học TACN sẽ luôn thú vị và hiệu quả hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Dudley-Evans, T. (1998), *Research perspectives on English for academic purposes*. Cambridge: Cambridge University Press.
- [2]. Halliday M. & Martin J. (1993), *Writing Science: Literacy and Discursive Power*, Pittsburgh: University of Pittsburgh Press
- [3]. Mahnken, P (2005). *Remember Foreign Language Vocabulary*.
- [4]. Moras, S and Carlos, S (2001). *Teaching Vocabulary for Advanced Students: A Lexical Approach*. Brazil, July 2001.
- [5]. Wilkins, D (1972). *Linguistics in Language Teaching*. London. Edward Arnold.